

BIỂU GIẢI TRÌNH BIẾN ĐỘNG CHỈ TIÊU HĐLĐ THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 111/2022/NĐ-CP LÀM HỖ TRỢ, PHỤC VỤ
KHỐI CƠ QUAN, TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH THUỘC THÀNH PHỐ NĂM 2025

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày /2024 của UBND Thành phố)

STT	TÊN ĐƠN VỊ	CHỈ TIÊU ĐƯỢC GIAO NĂM 2024	SỐ LĐHĐ HIỆN CÓ	SỐ CÒN CHƯA SỬ DỤNG	ĐỀ XUẤT CỦA ĐƠN VỊ		Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN THẨM ĐỊNH		KẾ HOẠCH NĂM 2025		GHI CHÚ
					Tăng/ giảm so với năm 2024	Lý do	Tăng/ giảm so với năm 2024	Lý do	Tổng số	Tăng/ giảm so với năm 2024	
1	2	3	4	5=(3)-(4)	6	7	8	9	10	11=(10)-(3)	12
	TỔNG CỘNG	1 440	1 224	216	6		0		1 440	0	
I	Khối Sở ngành	867	733	134	6		0		867	0	
II	Khối chính quyền quận, huyện, thị xã	573	491	82	0		0		573	0	
A	KHỐI SỞ, NGÀNH	867	733	134	6		0		867	0	
1	Văn phòng UBND Thành phố	56	47	9			- 4		52	- 4	
a	Khối Văn phòng	53	46	7			- 4	Giảm chỉ tiêu HĐ111 làm nấu ăn do chuyển theo nhiệm vụ sang Trung tâm Hội nghị Thành phố	49	- 4	
b	Ban Tiếp công dân Thành phố	3	1	2					3		
2	Các cơ quan thuộc HĐND Thành phố	17	16	1					17		
	Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố	17	16	1					17		
3	Sở Thông tin và Truyền thông	13	10	3					13		
4	Sở Nội vụ	34	20	14					34		
a	Khối Văn phòng Sở	19	13	6					19		
b	Khối Chi cục và tương đương	15	7	8					15		
1	Ban Thi đua khen thưởng	8	3	5					8		
2	Ban Tôn giáo	7	4	3					7		

STT	TÊN ĐƠN VỊ	CHỈ TIÊU ĐƯỢC GIAO NĂM 2024	SỐ LĐHD HIỆN CÓ	SỐ CÒN CHƯA SỬ DỤNG	ĐỀ XUẤT CỦA ĐƠN VỊ		Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN THẨM ĐỊNH		KẾ HOẠCH NĂM 2025		GHI CHÚ
					Tăng/ giảm so với năm 2024	Lý do	Tăng/ giảm so với năm 2024	Lý do	Tổng số	Tăng/ giảm so với năm 2024	
1	2	3	4	5=(3)-(4)	6	7	8	9	10	11=(10)-(3)	12
5	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	181	178	3	6		5		186	5	
a	Khối Văn phòng Sở	11	11		1	Sở chưa có chỉ tiêu để bố trí làm lễ tân dù là đơn vị có số lượng đầu mối lớn (19 đơn vị) phạm vi hoạt động đa ngành, lĩnh vực, công tác hội nghị, hội họp thường xuyên.	1	Thống nhất với đề xuất của đơn vị	12	1	
b	Thanh tra Sở	5	5						5		
c	Khối Chi cục và tương đương	165	162	3	5		4		169	4	
1	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	11	11		5	Tăng 05 chỉ tiêu tại các vị trí nhân viên bảo vệ, nhân viên phục vụ, nhân viên kỹ thuật làm việc tại 04 trụ sở làm việc thuộc Chi cục	4	Giao 04 chỉ tiêu do hiện Chi cục được giao 11 chỉ tiêu, chưa đủ để bố trí tối thiểu (03 bảo vệ, 01 lái xe, 01 kỹ thuật, 01 phục vụ)	15	4	
2	Chi cục Kiểm lâm	71	70	1					71		
3	Chi cục Chăn nuôi, Thủy sản và Thú y Hà Nội	21	21						21		
4	Chi cục Phát triển nông thôn Hà Nội	7	7						7		
5	Chi cục Thủy lợi và Phòng, chống thiên tai Hà Nội	50	49	1					50		
6	Chi cục Chất lượng, chế biến và phát triển thị trường Hà Nội	5	4	1					5		
6	Sở Công Thương	20	11	9					20		
7	Sở Kế hoạch và Đầu tư	17	11	6					17		
8	Sở Tài chính	12	8	4					12		
9	Sở Xây dựng	22	14	8					22		
10	Sở Giao thông Vận tải	290	276	14					290		
a	Khối Văn phòng Sở	20	18	2	2	Điều chuyển nội bộ 02 chỉ tiêu từ Thanh tra Sở sang khối Văn phòng Sở	2	Thống nhất với đề xuất của đơn vị	22	2	
b	Thanh tra Sở	270	258	12	-2		-2		268	-2	

STT	TÊN ĐƠN VỊ	CHỈ TIÊU ĐƯỢC GIAO NĂM 2024	SỐ LĐHD HIỆN CÓ	SỐ CÒN CHƯA SỬ DỤNG	ĐỀ XUẤT CỦA ĐƠN VỊ		Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN THẨM ĐỊNH		KẾ HOẠCH NĂM 2025		GHI CHÚ
					Tăng/ giảm so với năm 2024	Lý do	Tăng/ giảm so với năm 2024	Lý do	Tổng số	Tăng/ giảm so với năm 2024	
1	2	3	4	5=(3)-(4)	6	7	8	9	10	11=(10)-(3)	12
11	Sở Khoa học và Công nghệ	19	7	12	- 12	Giảm 12 chỉ tiêu và điều chuyển 05 chỉ tiêu sang khối ĐVSN do tổ chức lại Chi cục thành phòng chuyên môn	- 12	Thống nhất với đề xuất của đơn vị do sau khi tổ chức lại Chi cục thành phòng, trụ sở của Chi cục được giao cho 1 ĐVSN thuộc Sở quản lý, sử dụng	7	- 12	
12	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	18	13	5	4		4		22	4	
a	Khối Văn phòng Sở	13	8	5	4	Sở được giao 04 xe oto	4	Thống nhất do Sở được bổ sung xe oto khi không còn thực hiện cơ chế khoán xe	17	4	
b	Chi cục Phòng, chống Tệ nạn xã hội	5	5						5		
13	Sở Giáo dục và đào tạo	20	13	7					20		
14	Sở Y tế	33	22	11					33		
a	Khối Văn phòng Sở	15	9	6					15		
b	Khối chi cục và tương đương	18	13	5					18		
1	Chi cục Dân số Kế hoạch hóa Gia đình	5	5						5		
2	Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm	13	8	5					13		
15	Sở Văn hóa và Thể thao	16	14	2					16		
16	Sở Du lịch	9	7	2					9		
17	Sở Tư pháp	13	13		1	Tăng 01 chỉ tiêu HD111 để phục vụ Tổ công tác chỉ đạo triển khai Luật Thủ đô; và 14 TTHC do Thành phố phân cấp thêm.		Không thống nhất với đề xuất của đơn vị	13		
18	Sở Ngoại vụ	8	8						8		
19	Sở Tài nguyên và Môi trường	14	8	6					14		
20	Sở Quy hoạch Kiến trúc	15	10	5					15		

STT	TÊN ĐƠN VỊ	CHỈ TIÊU ĐƯỢC GIAO NĂM 2024	SỐ LĐHD HIỆN CÓ	SỐ CÒN CHƯA SỬ DỤNG	ĐỀ XUẤT CỦA ĐƠN VỊ		Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN THẨM ĐỊNH		KẾ HOẠCH NĂM 2025		GHI CHÚ
					Tăng/ giảm so với năm 2024	Lý do	Tăng/ giảm so với năm 2024	Lý do	Tổng số	Tăng/ giảm so với năm 2024	
1	2	3	4	5=(3)-(4)	6	7	8	9	10	11=(10)-(3)	12
21	Thanh tra Thành phố	8	5	3	2	Tăng 02 chỉ tiêu do cơ quan Thanh tra Thành phố có 02 trụ sở nên cần thêm chỉ tiêu cho vị trí bảo vệ, phục vụ cơ quan	2	Thống nhất với đề xuất của đơn vị do phù hợp với thực tiễn thực hiện nhiệm vụ của đơn vị	10	2	
22	Ban Dân tộc	8	7	1					8		
23	Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội	9	9						9		
24	Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Hòa Lạc	7	6	1					7		
25	Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố	8		8	5	Theo Đề án vị trí việc làm của đơn vị (04 bảo vệ, 03 lái xe, 01 kỹ thuật, 03 phục vụ, 02 lễ tân)	5	Thống nhất với đề xuất của đơn vị	13	5	
II	KHỐI UBND QUẬN, HUYỆN, THỊ XÃ	573	491	82					573		
1	UBND quận Hoàn Kiếm	28	24	4					28		
a	Khối các phòng ban	26	22	4					26		
b	Đội quản lý trật tự xây dựng đô thị	2	2						2		
2	UBND quận Hai Bà Trưng	32	31	1					32		
a	Khối các phòng ban	28	28						28		
b	Đội quản lý trật tự xây dựng đô thị	4	3	1					4		
3	UBND quận Ba Đình	18	13	5					18		
a	Khối các phòng ban	16	11	5					16		
b	Đội quản lý trật tự xây dựng đô thị	2	2						2		
4	UBND quận Đống Đa	28	20	8					28		
a	Khối các phòng ban	26	19	7					26		
b	Đội quản lý trật tự xây dựng đô thị	2	1	1					2		

STT	TÊN ĐƠN VỊ	CHỈ TIÊU ĐƯỢC GIAO NĂM 2024	SỐ LĐHD HIỆN CÓ	SỐ CÒN CHƯA SỬ DỤNG	ĐỀ XUẤT CỦA ĐƠN VỊ		Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN THẨM ĐỊNH		KẾ HOẠCH NĂM 2025		GHI CHÚ
					Tăng/ giảm so với năm 2024	Lý do	Tăng/ giảm so với năm 2024	Lý do	Tổng số	Tăng/ giảm so với năm 2024	
1	2	3	4	5=(3)-(4)	6	7	8	9	10	11=(10)-(3)	12
5	UBND quận Tây Hồ	17	13	4					17		
a	Khối các phòng ban	14	11	3					14		
b	Đội quản lý trật tự xây dựng đô thị	3	2	1					3		
6	UBND quận Thanh Xuân	18	16	2					18		
a	Khối các phòng ban	16	14	2					16		
b	Đội quản lý trật tự xây dựng đô thị	2	2						2		
7	UBND quận Cầu Giấy	17	17						17		
a	Khối các phòng ban	15	15						15		
b	Đội quản lý trật tự xây dựng đô thị	2	2						2		
8	UBND quận Hoàng Mai	17	17						17		
a	Khối các phòng ban	15	15						15		
b	Đội quản lý trật tự xây dựng đô thị	2	2						2		
9	UBND quận Long Biên	6	4	2					6		
a	Khối các phòng ban	4	4						4		
b	Đội quản lý trật tự xây dựng đô thị	2		2					2		
10	UBND quận Nam Từ Liêm	20	18	2					20		
a	Khối các phòng ban	18	16	2					18		
b	Đội quản lý trật tự xây dựng đô thị	2	2						2		
11	UBND quận Bắc Từ Liêm	20	19	1					20		
a	Khối các phòng ban	18	17	1					18		
b	Đội quản lý trật tự xây dựng đô thị	2	2						2		

STT	TÊN ĐƠN VỊ	CHỈ TIÊU ĐƯỢC GIAO NĂM 2024	SỐ LĐHD HIỆN CÓ	SỐ CÒN CHƯA SỬ DỤNG	ĐỀ XUẤT CỦA ĐƠN VỊ		Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN THẨM ĐỊNH		KẾ HOẠCH NĂM 2025		GHI CHÚ
					Tăng/ giảm so với năm 2024	Lý do	Tăng/ giảm so với năm 2024	Lý do	Tổng số	Tăng/ giảm so với năm 2024	
1	2	3	4	5=(3)-(4)	6	7	8	9	10	11=(10)-(3)	12
12	UBND quận Hà Đông	20	19	1					20		
a	Khối các phòng ban	13	12	1					13		
b	Đội quản lý trật tự xây dựng đô thị	7	7						7		
13	UBND huyện Thanh Trì	18	15	3					18		
a	Khối các phòng ban	16	13	3					16		
b	Đội quản lý trật tự xây dựng đô thị	2	2						2		
14	UBND huyện Gia Lâm	23	19	4					23		
a	Khối các phòng ban	21	18	3					21		
b	Đội quản lý trật tự xây dựng đô thị	2	1	1					2		
15	UBND huyện Đông Anh	12	11	1					12		
a	Khối các phòng ban	10	10		1	Điều chuyển nội bộ theo yêu cầu công tác	1	Thống nhất với đề xuất của đơn vị	11	1	
b	Đội quản lý trật tự xây dựng đô thị	2	1	1	-1		-1		1	-1	
16	UBND huyện Sóc Sơn	20	16	4					20		
a	Khối các phòng ban	18	14	4					18		
b	Đội quản lý trật tự xây dựng đô thị	2	2						2		
17	UBND huyện Ba Vì	21	19	2					21		
a	Khối các phòng ban	19	17	2					19		
b	Đội quản lý trật tự xây dựng đô thị	2	2						2		
18	UBND thị xã Sơn Tây	23	21	2					23		
a	Khối các phòng ban	22	20	2					22		
b	Đội quản lý trật tự xây dựng đô thị	1	1						1		

STT	TÊN ĐƠN VỊ	CHỈ TIÊU ĐƯỢC GIAO NĂM 2024	SỐ LĐHD HIỆN CÓ	SỐ CÒN CHƯA SỬ DỤNG	ĐỀ XUẤT CỦA ĐƠN VỊ		Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN THẨM ĐỊNH		KẾ HOẠCH NĂM 2025		GHI CHÚ
					Tăng/ giảm so với năm 2024	Lý do	Tăng/ giảm so với năm 2024	Lý do	Tổng số	Tăng/ giảm so với năm 2024	
1	2	3	4	5=(3)-(4)	6	7	8	9	10	11=(10)-(3)	12
19	UBND huyện Thạch Thất	12	11	1					12		
a	Khối các phòng ban	10	10						10		
b	Đội quản lý trật tự xây dựng đô thị	2	1	1					2		
20	UBND huyện Phúc Thọ	14	9	5					14		
a	Khối các phòng ban	12	8	4					12		
b	Đội quản lý trật tự xây dựng đô thị	2	1	1					2		
21	UBND huyện Đan Phượng	23	19	4					23		
a	Khối các phòng ban	21	18	3					21		
b	Đội quản lý trật tự xây dựng đô thị	2	1	1					2		
22	UBND huyện Hoài Đức	12	10	2					12		
a	Khối các phòng ban	10	8	2					10		
b	Đội quản lý trật tự xây dựng đô thị	2	2						2		
23	UBND huyện Quốc Oai	24	24						24		
a	Khối các phòng ban	22	22						22		
b	Đội quản lý trật tự xây dựng đô thị	2	2						2		
24	UBND huyện Chương Mỹ	24	17	7					24		
a	Khối các phòng ban	22	15	7					22		
b	Đội quản lý trật tự xây dựng đô thị	2	2						2		
25	UBND huyện Thanh Oai	12	11	1					12		
a	Khối các phòng ban	10	9	1					10		
b	Đội quản lý trật tự xây dựng đô thị	2	2						2		

STT	TÊN ĐƠN VỊ	CHỈ TIÊU ĐƯỢC GIAO NĂM 2024	SỐ LĐHD HIỆN CÓ	SỐ CÒN CHƯA SỬ DỤNG	ĐỀ XUẤT CỦA ĐƠN VỊ		Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN THẨM ĐỊNH		KẾ HOẠCH NĂM 2025		GHI CHÚ
					Tăng/ giảm so với năm 2024	Lý do	Tăng/ giảm so với năm 2024	Lý do	Tổng số	Tăng/ giảm so với năm 2024	
1	2	3	4	5=(3)-(4)	6	7	8	9	10	11=(10)-(3)	12
26	UBND huyện Thường Tín	13	13						13		
a	Khối các phòng ban	11	11						11		
b	Đội quản lý trật tự xây dựng đô thị	2	2						2		
27	UBND huyện Ứng Hòa	24	14	10					24		
a	Khối các phòng ban	22	12	10					22		
b	Đội quản lý trật tự xây dựng đô thị	2	2						2		
28	UBND huyện Phú Xuyên	15	15						15		
a	Khối các phòng ban	13	13						13		
b	Đội quản lý trật tự xây dựng đô thị	2	2						2		
29	UBND huyện Mỹ Đức	24	21	3					24		
a	Khối các phòng ban	22	19	3					22		
b	Đội quản lý trật tự xây dựng đô thị	2	2						2		
30	UBND huyện Mê Linh	18	15	3					18		
a	Khối các phòng ban	16	15	1					16		
b	Đội quản lý trật tự xây dựng đô thị	2		2					2		